TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 -THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Bản án số: 149/2026/HS -ST
Ngày 13 - 4 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 -THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Vũ Linh.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Trần Ngọc Phương và bà Phạm Tú Nhi

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Anh Ly, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16- Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Huyền, Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 268/2025/TLST-HS ngày 21 tháng 11 năm 2025, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 258/2025/QĐXXST-HS ngày 09/12/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2026/HSST-QĐ ngày 25/12/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2026/HSST-QĐ ngày 23/01/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2026/HSST-QĐ ngày 12/02/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2026/HSST-QĐ ngày 13/3/2026 đối với các bị cáo :

1. Nguyễn Thành N (tên khác: Đỏ), sinh ngày 22/10/1984 tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: 217/32/7 bà H, phường A Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh); giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1965 và con bà Trương Thị H2, sinh năm 1965; bị cáo có vợ tên Mai Thị Huyền T, sinh năm 1989 và có 02 con sinh năm 2011 và năm 2016; tiền sự, tiền án: Không có. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

2. Phạm Văn L, sinh ngày 20/12/1987 tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: 185/6/14 bà H, phường A Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh); giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Chạy xe ôm công nghệ (G); trình độ học vấn: 9/12; con ông Phạm Văn H3, sinh năm 1964 và con bà Võ Thị Kim P, sinh năm 1967; bị cáo có 01 con ruột sinh năm 2017; tiền sự, tiền án: Không có. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

3. Khấu Minh T1, sinh ngày 02/5/1988 tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: 217/20/24 bà H, phường A Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh); giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 7/12; con ông Khấu Thiên L1 (đã chết) và con bà Thái Thị N1; bị cáo có 3 con ruột, nhỏ nhất sinh năm 2015, lớn nhất sinh năm 1993; tiền sự, tiền án: Không có.

Nhân thân:

+ Ngày 27/4/2010 UBND quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là UBND phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) ra quyết định về việc đưa vào cơ sở chữa bệnh (cai nghiện ma

túy), thời gian 24 tháng theo quyết định số 1197/QĐ, ngày 20/3/2012 chấp hành xong quyết định

+ Ngày 13/8/2015, UBND phường A Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là UBND phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) ra quyết định về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại phường thời gian 6 tháng, ngày 31/5/2016 chấp hành xong quyết định.

+ Ngày 09/9/2016, Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3, Thành phố Hồ Chí Minh) ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 21 tháng, theo quyết định số 170/QĐ, ngày 11/7/2018 chấp hành xong quyết định

+ Ngày 22/4/2019, Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3, Thành phố Hồ Chí Minh) ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 21 tháng, theo quyết định số 90, ngày 29/01/2021 chấp hành xong quyết định

+ Ngày 07/11/2024, Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3, Thành phố Hồ Chí Minh) ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 21 tháng, theo quyết định số 160, đang chấp hành tại cơ sở cai nghiện số 1 thôn A xã T, tỉnh Lâm Đồng.

Bị cáo có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Trần Thanh B, sinh năm 1988; địa chỉ: A đường B khu phố B, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt

Người làm chứng: 1. Bà Mai Thị H4; 2. Bà Nguyễn Thị Q; 3. Bà Võ Thị Thanh T2, tất cả vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

Ông Trần Thanh B và bị cáo Nguyễn Thành N hùn hạp tiền làm ăn chung (mua bán sắt phế liệu) sau khi chấm dứt công việc qua tính toán B còn nợ tiền N, N nhiều lần yêu cầu B trả tiền nhưng B trình bày do việc làm ăn thua lỗ, khi nào có trả. Ngày 04/10/2024, N rủ Khấu Minh T1, Phạm Văn L đi xuống D chơi, trên đường đi N mới nói cho T1, L biết đi đến nhà B đòi tiền. Khi đi, L điều khiển xe Honda Vision biển số 59K2-538.80 chở T1, N điều khiển xe Honda SH biển số 52T8-4567. Khoảng 20 giờ cùng ngày khi đến gần nhà B, T1 và L dừng xe đứng ngoài đường đợi, N đi vào trong nhà B nói chuyện, khi vào nhà B, N nói chuyện và đòi tiền thì B nói chưa có tiền trả nên giữa B và N xảy ra cự cãi, ông B bỏ đi ra ngoài đường (phía trước nhà), N đi theo cự cãi với B và dùng tay đấm vào phía sau lưng, đầu và bụng B làm B ngã xuống đường, tiếp đó N dùng chân đá vào vùng mặt và bụng của B. L, T1 nhìn thấy N đánh B, L và T1 chạy đến chỗ B dùng chân đạp vào vùng mặt, người của B, B truy hô thì được bà Võ Thị Thanh T2 (sống chung như vợ chồng với B và con trai B là Trần Gia M, sinh năm 2008 đến can ngăn) nên N, T1, L không đánh B nữa, thời điểm này N, L, T1 đề nghị đưa B đi cấp cứu nhưng B từ chối và yêu cầu công an xuống giải quyết, sau đó Công an phường B (nay là phường Đ) đến giải quyết. Ngày 04/02/2025, Ủy ban nhân dân phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh) có Công văn kiến nghị xử lý các đối tượng gây rối tại địa phương. Ngày 05/10/2024, ông Trần Thanh B có đơn yêu cầu giám định thương tích và đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự.

Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống, số 689/2024/KLGĐ-TTPY, ngày 25/11/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh B (nay là Thành phố Hồ Chí Minh), kết luận :

+ Tại thời điểm giám định là: 10%: Cơ chế hình thành vết thương: gãy xương hàm dưới vùng cằm và góc hàm trái: chấn thương gãy xương kín, không có vết thương ngoài da, khả năng do vật tày gây ra.

Ngày 20/10/2025 ông B có đơn rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Thành N, Phạm Văn L đã bồi thường cho ông Trần Thanh B số tiền 150.000.000 đồng (bị cáo N đưa tiền mặt, chuyển khoản 130.000.000 đồng, bị cáo L 20.000.000 đồng đưa N để chuyển khoản B).

Cáo trạng số 124/CT-VKS - KV16 ngày 16/9/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo Nguyễn Thành N, Phạm Văn L, K Mình T1 về tội "Gây rối trật tự công cộng" theo quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (gọi tắt là Bộ luật hình sự).

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo theo cáo trạng đã nêu, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ :

+ Khoản 1 Điều 318, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 36 và Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt các bị cáo

+ Nguyễn Thành Nhân từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm cải tạo không giam giữ

+ Phạm Văn L từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ.

+ Khoản 1 Điều 318, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35 và Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Khấu Minh T1 từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Người bào chữa cho bị cáo L, N: Thống nhất với cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh đối với bị cáo N, L. Xuất phát từ việc bị cáo N đòi tiền ông B không được, bị cáo N đánh ông B, thời điểm này bị cáo L chứng kiến đã chạy đến đánh ông B. Việc đánh ông B là bộc phát của bị cáo N và bị cáo L. Sau khi sự việc xảy ra bị cáo N, L đã tích cực bồi thường cho ông B, hiện hoàn cảnh gia đình bị cáo N, L khó khăn. Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, các bị cáo không có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt và có địa chỉ thường trú rõ ràng. Ngoài tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đại diện Viện kiểm sát viện dẫn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo N, L được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự (người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại) để xem xét giảm nhẹ mức hình phạt thấp nhất cho bị cáo N, L.

Bị cáo N, L không bào chữa bổ sung. Đại diện viện kiểm sát không tranh luận đối với người bào chữa

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo N, L không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng, khung hình phạt. Các bị cáo nói lời sau cùng: Rất hối hận việc mình đã làm, xin được xem xét giảm nhẹ mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố D (nay là Thành phố Hồ Chí Minh), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An (nay là khu vực A -Thành phố Hồ Chí Minh), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra các bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.1] Bị cáo Khấu Minh T1 có yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị cáo T1.

[2] Chứng cứ xác định có tội của bị cáo Nguyễn Thành N, Phạm Văn L và Khấu Minh T1. Vào ngày 04/10/2024 bị cáo Nguyễn Thành N đòi tiền thiếu nợ từ Trần Thanh B không được. N đã dùng tay, chân đánh ông B. Bị cáo L, T1 khi chứng kiến N đánh ông B đã chạy đến dùng tay, chân đánh ông B gây thương tích 10%, địa điểm thực hiện là đoạn đường phía trước nhà ông Trần Thanh B tại số nhà A đường B, khu phố B, phường B (nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh) đây là đoạn đường công cộng, đông người, đã gây mất trật tự trị an, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, gây dư luận xấu trong nội bộ quần chúng nhân dân. Ngày 04/02/2025, Ủy ban nhân dân phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh) có yêu cầu xử lý các đối tượng gây rối tại địa phương. Như vậy, hành vi trên của các bị cáo là hành vi của tội "Gây rối trật tự công cộng" được quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng số 124/CT-VKS-KV16 ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh truy tố và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với các bị cáo là có căn cứ pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do các bị cáo thực hiện là tội phạm ít nghiêm trọng do có khung hình phạt đến 3 năm tù. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến an toàn trật tự công cộng tại địa phương, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân lao động tại địa phương. Do vậy, hành vi trên của các bị cáo phải được xét xử bằng pháp luật hình sự mới có tác dụng răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Trong vụ án có tính chất đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, do không có sự phân công vai trò cụ thể của từng bị cáo nên không xem là phạm tội có tổ chức. Các bị cáo N, L và T1 tham gia với vai trò thực hành trong vụ án.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo N, L thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo T1 quá trình điều tra thành khẩn khai báo; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo N, L đã bồi thường thiệt hại cho ông B. Tình tiết trên được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về nhân thân: Bị cáo N, L có nhân thân tốt, thể hiện việc không có tiền án, tiền sự. Bị cáo T1 có nhân thân rất xấu thể hiện trong việc sử dụng ma túy trong thời gian dài, đã đưa đi cai nghiện bắt buộc nhiều lần. Lần phạm tội này thể hiện sự không hướng thiện của bị cáo T1.

[8] Xét các bị cáo N, L có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sư. Vì vậy, việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo N , L cũng có tác dụng giáo dục, đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội. Bị cáo N nghề nghiệp lao động tự do, bị cáo L nghề nghiệp chạy xe grap thu nhập các bị cáo không ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng quy định khấu trừ một phần thu nhập khi áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo N, L theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật Hình.

[8.1] Đối với bị cáo T1 đang chấp hành cai nghiện Ma túy bắt buộc, xét hành vi tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân bị cáo cần xử phạt bị cáo mức phạt tù để giáo dục, cải tạo bị cáo.

[9] Đối với thương tích của ông Trần Thanh B 10% do bị cáo N, L và T1 dùng tay, chân đánh gây thương tích. Ông B có đơn rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự về tội "Cố ý

gây thương tích", ông B được bị cáo N bồi thường 150.000.000 đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử không xét.

[10] Đối với bài bào chữa của người bào chữa cho bị cáo L, N phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử được chấp nhận. Riêng việc đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo N, L không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử do vậy không được chấp nhận. Bởi khách thể xâm phạm vụ án là trật tự công cộng, ông B tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[11] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát khu vực 16 Thành phố Hồ Chí Minh đưa ra tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, mức hình phạt đối với các bị cáo phù hợp quan điểm của Hội đồng xét xử vì vậy được chấp nhận.

[12] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thành N (tên gọi khác: Đ), Phạm Văn L, Khấu Minh T1 phạm tội "Gây rối trật tự công cộng"

1.1 Căn cứ khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 36 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Phạm Văn L 01 (một) năm 03 (ba) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an Thành phố H nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Thành N, Phạm Văn L cho Ủy ban nhân dân phường P, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ

Tuyên bố hủy bỏ lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 161,162 ngày 19/12/2025 đối với các bị cáo Phạm Văn L, Nguyễn Thành N.

1.2 Căn cứ khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1 Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Khấu Minh T1 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3.Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Q1 khoá 14.

Các bị cáo Nguyễn Thành N, Phạm Văn L, Khấu Minh T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh (01);
- VKSND TP. Hồ Chí Minh (01);
- VKSND Khu vực 16 – TP. Hồ Chí Minh (01);
- Công an TP. Hồ Chí Minh (01);
- THADS TP. Hồ Chí Minh (01);
- PV 06 - Công an TP. Hồ Chí Minh (01);
- PC 10 - Công an TP. Hồ Chí Minh (01);
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú hoặc nơi phát hiện tội phạm (01);
- Người tham gia tố tụng (01);
- THA hình sự (04);
- Phân trại tạm giam khu vực Lái Thiêu **(Dĩ An)** (01);
- Lưu: Hồ sơ, văn thư (02);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Linh